

## MỘT SỐ GIẢI PHÁP NÂNG CAO NĂNG LỰC THÔNG TIN CHO SINH VIÊN ĐẠI HỌC Ở VIỆT NAM

ThS Trần Dương

Trung tâm TT-TV, Trường Đại học Hà Tĩnh

**Tóm tắt:** Bài viết trình bày khái niệm về năng lực thông tin, phân tích thực trạng đào tạo năng lực thông tin và đưa ra một số giải pháp nâng cao năng lực thông tin cho sinh viên đại học ở Việt Nam.

**Từ khóa:** Năng lực thông tin; sinh viên đại học; Việt Nam.

### Solutions to improve information literacy for university students in Vietnam

**Abstract:** The paper presents the concept of information literacy, analyzes the status of information literacy training and offers a number of solutions to improve information literacy for university students in Vietnam.

**Keywords:** Information literacy; university students; Vietnam.

### Đặt vấn đề

Năng lực thông tin (NLTT- tiếng Anh là Information Literacy) là một trong những kiến thức và kỹ năng then chốt, cần thiết trong việc nghiên cứu bất kỳ lĩnh vực nào. Đó là điều kiện tiên quyết cho việc học tập suốt đời và cho phép người học tham gia một cách chủ động và có tương tác vào nội dung học tập và mở rộng việc nghiên cứu, trở thành người có khả năng tự định hướng, tự kiểm soát tốt hơn quá trình học của mình.

Chất lượng đào tạo và nghiên cứu khoa học của một trường đại học luôn gắn liền với chất lượng của thông tin mà các đối tượng tham gia vào các quá trình này - giảng viên, nhà nghiên cứu, sinh viên - thu thập, khai thác và sử dụng. Trước sự gia tăng không ngừng của các nguồn thông tin cũng như của các phương tiện truy cập, tổ chức, lưu trữ và khai thác thông tin đòi hỏi mọi người phải có kiến thức và NLTT. Do vậy, nâng cao NLTT là một yếu tố quan trọng đối với sinh viên. Nâng cao NLTT có thể được thực hiện nhờ vào nỗ lực của mỗi cá nhân bằng việc tự tìm tòi học hỏi. Nhưng cũng như bất kỳ một hoạt động đào tạo khác, việc nâng cao NLTT nên và cần được thực hiện một cách bài bản thông qua các khóa đào tạo, huấn luyện với chương trình, nội dung hoàn chỉnh và do những người có trình độ chuyên nghiệp đảm trách [Thư viện Trung tâm Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí

Minh, 2011].

### 1. Khái niệm năng lực thông tin

Hiện nay, có nhiều định nghĩa khác nhau về NLTT. Theo UNESCO (2005): “Năng lực thông tin là sự kết hợp của kiến thức, hiểu biết, các kỹ năng và thái độ mà mỗi thành viên cần hội tụ đầy đủ trong xã hội thông tin. Mỗi khi cá nhân có năng lực thì họ sẽ phát triển khả năng lựa chọn, đánh giá, sử dụng và trình bày thông tin một cách hiệu quả”. Điều này có nghĩa là người có NLTT phải sử dụng thông tin một cách đạo đức. Việc truy cập, sử dụng và phổ biến thông tin phải phù hợp với pháp luật. Theo Hiệp hội Thư viện Hoa Kỳ ALA (2000): “Năng lực thông tin là khả năng nhận biết nhu cầu thông tin của bản thân, cũng như khả năng định vị, đánh giá và sử dụng hiệu quả thông tin tìm được”.

Viện NLTT Australia và New Zealand thì cho rằng, một người có NLTT là người có khả năng [BundyAlan. Ed., 2004]: nhận dạng được nhu cầu tin của bản thân; xác định được phạm vi của thông tin mà mình cần; thẩm định thông tin và nguồn của chúng một cách tích cực và hiệu quả; phân loại, lưu trữ, vận dụng và tái tạo nguồn thông tin được thu thập hay tạo ra; biến nguồn thông tin được lựa chọn thành cơ sở tri thức; sử dụng thông tin vào việc học tập, tạo tri thức mới, giải quyết vấn đề, và ra quyết định một cách có hiệu quả; truy cập và sử dụng các nguồn thông tin hợp pháp và hợp

đạo đức; sử dụng thông tin và tri thức để thực hiện các quyền công dân và trách nhiệm xã hội; trải nghiệm năng lực thông tin như một phần của học tập độc lập cũng như tự học suốt đời.

NLTT trong tiếng Việt đôi khi còn được gọi là kỹ năng thông tin, hiểu biết thông tin, kiến thức thông tin, tri thức thông tin, phổ biến thông tin, phổ cập thông tin,... Trong bài viết này, chúng tôi xem năng lực thông tin mang tính kỹ năng thực hành nhiều hơn lý luận. NLTT ở đây bao gồm kiến thức (về khai thác, sử dụng, chia sẻ) thông tin + kỹ năng thông tin + thái độ, đạo đức trong tiếp cận, sử dụng thông tin. Qua tìm hiểu các tài liệu liên quan, chúng ta có thể thấy rằng hầu hết các tác giả đều có một điểm chung là xem NLTT là khả năng nhận biết nhu cầu thông tin, khả năng định vị, tìm kiếm, đánh giá, sử dụng thông tin cũng như thái độ sẵn sàng chia sẻ thông tin với mọi người.

## 2. Thực trạng đào tạo năng lực thông tin cho sinh viên ở Việt Nam

Ở Việt Nam từ những năm 2000 đến nay, các trường đại học, các tổ chức cũng đã tổ chức các hội thảo khoa học về NLTT. Tại Hà Nội, ngày 20/2/2006, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội, phối hợp với uỷ ban thường trực khu vực Châu Á - Châu Đại Dương của Liên hiệp Quốc tế các Hiệp hội và Tổ chức thư viện (IFLA-RSCAO), tổ chức hội thảo khoa học: “Kiến thức thông tin - Information Literacy”.

Cũng tại Hà Nội, từ ngày 08-12/5/2006, Trường Đại học Ngoại ngữ phối hợp với Trung tâm Thông tin phát triển Việt Nam và Trung tâm Tài nguyên trí thức phát triển Ôxtrâyliatổ chức khóa: “Bồi dưỡng năng lực đào tạo kiến thức thông tin cho đại học”.

Tại Tp. Hồ Chí Minh, từ ngày 13-15/4/2011, Thư viện Trung tâm ĐHQG-Tp. Hồ Chí Minh đã tổ chức hội thảo - tập huấn với chủ đề: “Nâng cao nội dung và phương pháp thực hiện các khóa huấn luyện kỹ năng thông tin cho độc giả”.

Tại Thừa Thiên Huế, ngày 29/6/2012, Trường Cao đẳng Sư phạm Thừa Thiên Huế, Liên chi hội Thư viện Đại học phía Nam (Vilasal) tổ chức hội thảo: “Kiến thức thông tin phục vụ học tập và giảng dạy trong trường đại học”. Các hội thảo về NLTT đã được các tác giả

là những chuyên gia, giảng viên về TT-TV trình bày về các khía cạnh của phát triển NLTT cho sinh viên trong các trường đại học ở Việt Nam.

Tại Việt Nam, NLTT là khái niệm không còn mới đối với nhiều trường đại học. Tuy nhiên, hoạt động đào tạo NLTT nói chung còn manh mún, phân tán, thiếu cách tiếp cận tổng thể mang tính hệ thống, chưa được lồng ghép chính thức vào bài giảng. Do vậy, triển khai nghiên cứu những thách thức và tìm ra giải pháp giúp phát triển hoạt động đào tạo NLTT trong bối cảnh các trường đại học tại Việt Nam đang trong quá trình hội nhập quốc tế là cần thiết [Phạm Xuân Hoàn, 2016].

Trong việc đào tạo NLTT, vai trò của các cơ sở đào tạo và các cơ quan TT-TV là đặc biệt quan trọng. Nếu như coi trường học là nơi cung cấp cho người học các kiến thức và kỹ năng liên quan đến việc xác định nhu cầu thông tin, thẩm định và tổng hợp thông tin, thì thư viện chính là nơi cung cấp các dịch vụ thông tin, đào tạo cho người dùng kỹ năng tìm kiếm thông tin, xử lý thông tin, sử dụng thông tin đúng pháp luật và hợp đạo đức. Nói cách khác, hai loại hình cơ quan trên gắn bó với nhau một cách hữu cơ trong việc trang bị NLTT cho mọi người. Hiệu quả của các chương trình đào tạo NLTT phụ thuộc vào sự kết hợp giữa các cơ quan TT-TV và các cơ sở đào tạo. Việc triển khai chương trình NLTT sẽ cần sự phối hợp, hợp tác của nhiều bộ phận, tổ chức xã hội. Đây vừa là thách thức nhưng cũng vừa là thời cơ để ngành thư viện Việt Nam khẳng định được vị thế của mình, chứng minh được vai trò quan trọng của mình trong hệ thống kinh tế - xã hội [Nghiêm Xuân Huy, 2006].

Trong những năm gần đây các trường đại học ở Việt Nam đã bắt đầu quan tâm đến phát triển NLTT cho sinh viên - xem đó là một trong những kỹ năng mềm quan trọng trang bị cho sinh viên trước khi tốt nghiệp. Nhận thức được tầm quan trọng của phát triển NLTT các cơ quan TT-TV trường đại học đã xây dựng, triển khai và phát triển chương trình NLTT đến các đối tượng người dùng tin (NDT), như: Các Trung tâm học liệu Đại học Cần Thơ, Đại học Đà Nẵng, Đại học Huế, Đại học Thái nguyên, Thư viện Đại học Hà Nội, Trung tâm TT-TV Trường Đại học Y tế Công cộng, Thư viện Đại học Hoa Sen, Trung tâm TT-TV Đại học Quốc gia Hà

Nội, Thư viện Trung tâm Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh, Thư viện Đại học Luật Hà Nội, Thư viện Đại học Khoa học Tự nhiên - Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh, Trung tâm TT-TV Trường Đại học Hà Tĩnh,... Các cơ quan thông tin, các thư viện đã triển khai với những nội dung sau:

### **2.1. Nội dung đào tạo năng lực thông tin**

Các thư viện chủ yếu tập trung đào tạo một số nội dung cơ bản như [Đinh Thị Thúy Quỳnh, 2016]:

- Giới thiệu tổng quan thư viện như: nguồn tài nguyên thông tin; hệ thống các sản phẩm và dịch vụ; cơ sở vật chất; nội quy, quy định của thư viện,...

- Hướng dẫn sử dụng thư viện: cách thức khai thác các sản phẩm và dịch vụ thông tin có sẵn tại thư viện như hệ thống mục lục truyền thống, mục lục điện tử (OPAC); nội quy, quy trình khai thác tài liệu tại thư viện,...

- Hướng dẫn tra cứu thông tin trên internet: giới thiệu tổng quan về internet và các nguồn thông tin trên internet; kỹ thuật tìm kiếm và truy cập thông tin từ các công cụ tìm tin trên internet (Google, Google Scholar); các tiêu chí thẩm định nội dung thông tin và chất lượng nguồn tin trên internet...

- Hướng dẫn tra cứu thông tin trên Cơ sở dữ liệu (CSDL) điện tử: Giới thiệu các CSDL và phạm vi thông tin của CSDL; kỹ thuật tìm kiếm và truy cập thông tin từ công cụ hỗ trợ tìm tin trên CSDL; các tiêu chí thẩm định nội dung thông tin và chất lượng nguồn tin...

- Hướng dẫn các kỹ năng thông tin chuyên ngành: Giới thiệu tổng quan về các nguồn tài nguyên thông tin điện tử và các CSDL khoa học chuyên ngành; kỹ thuật tìm kiếm và truy cập thông tin từ các công cụ hỗ trợ tìm tin trực tuyến; hoạch định chiến lược và thực hành tìm kiếm thông tin theo chuyên đề (bao gồm: xác định nhu cầu thông tin, chọn nguồn thông tin để khai thác, tìm hiểu cơ chế hoạt động và chức năng của các nguồn thông tin đó, triển khai việc định vị và truy cập thông tin, đánh giá lại quy trình để điều chỉnh và cải tiến chiến lược tìm kiếm); thẩm định nội dung thông tin và chất lượng nguồn tin...

Thực tế, đa số các thư viện đang đào tạo NDT dưới dạng hướng sử dụng thư viện hơn là đào tạo NLTT cho sinh viên [Dương Thúy

Hương, 2011]. Tỷ lệ sinh viên tham gia các khóa học NLTT theo năm học cho thấy, sinh viên năm thứ nhất có tỷ lệ cao nhất với 71.3%, đứng vị trí thứ hai là sinh viên năm thứ tư là 69.4%. Sinh viên năm thứ năm có tỷ lệ theo học các lớp NLTT thấp nhất so với sinh viên các năm khác (44.7%). Điều đó phản ánh thực tế rằng, các trường đại học thường tổ chức các khóa học giới thiệu về thư viện và hướng dẫn sử dụng thư viện cho sinh viên năm thứ nhất khi mới nhập trường. Ở thời điểm này sinh phải làm quen với các dịch vụ và chính sách của thư viện trước khi được cấp thẻ bạn đọc. Sinh viên năm cuối thường theo học các lớp về kỹ năng trích dẫn, kỹ năng trình bày thông tin và thẩm định nguồn tin để phục vụ cho việc viết khóa luận, báo cáo tốt nghiệp hoặc làm đồ án [Trương Đại Lượng, 2015].

### **2.2. Hình thức đào tạo năng lực thông tin**

Công tác đào tạo NLTT đã được thư viện các trường đại học chú trọng thường được triển khai dưới ba hình thức: bắt buộc, theo yêu cầu, kết hợp cả hai phương thức bắt buộc và theo yêu cầu [Đinh Thị Thúy Quỳnh, 2016], [Dương Thúy Hương, 2011]. Hiện nay, một số trường đại học đã đưa chương trình đào tạo NLTT vào chương trình chính khóa, áp dụng cho sinh viên tất cả các ngành học như Trường Đại học KH&NV - Đại học Quốc gia Hà Nội với môn học “Nhập môn năng lực thông tin”, Trường Đại học Hà Tĩnh đưa vào môn học bắt buộc “Kỹ năng khai thác thông tin”. Một số trường đại học lồng ghép chương trình NLTT, như: Đại học Hà Nội, Đại học Duy Tân... Đa số các thư viện đại học đào tạo NLTT dưới dạng tập huấn cho sinh viên theo hình thức bắt buộc và theo yêu cầu. Tùy vào điều kiện thực tế, các thư viện đại học đã và đang dần hoàn thiện chương trình đào tạo NLTT cho sinh viên phù hợp với nhu cầu và yêu cầu thực tế của chuẩn đầu ra các chuyên ngành đào tạo của nhà trường. Các hình thức đào tạo NLTT tại các thư viện khá linh hoạt, tạo điều kiện thuận lợi để NDT có thể tham gia một cách tích cực nhất [Đinh Thị Thúy Quỳnh, 2016].

### **2.3. Quy mô tổ chức lớp học**

Tùy vào thực tế của các trường đại học cũng như nhu cầu của sinh viên, các thư viện đã tổ chức các lớp học theo các hình thức đào tạo khác nhau.

Đối với các lớp tập huấn: Nếu sinh viên đăng ký theo yêu cầu thì tổ chức lớp học với số lượng từ 40 - 50 sinh viên. Nếu tập huấn theo dạng bắt buộc thì thường tổ chức lồng ghép vào tuần sinh hoạt công dân từ 50 - 100 sinh viên. Cũng có những lớp tập huấn với số lượng khoảng 20 - 30 sinh viên đối với các lớp tập huấn nâng cao. Địa điểm tập huấn NLTT cho sinh viên thường ở hội trường lớn, lớp học, phòng thực hành tin học (tùy vào tình hình sinh viên đăng ký lớp học) [Đinh Thị Thúy Quỳnh, 2016], [Dương Thúy Hương, 2011].

#### **2.4. Phương pháp giảng dạy**

Các thư viện đại học cũng đã linh động hơn trong phương pháp đào tạo NLTT cho sinh viên. Ngoài phương pháp giảng dạy lý thuyết truyền thống các khóa đào tạo NLTT đã kết hợp giảng dạy lý thuyết được trình chiếu trên PowerPoint với thực hành trên phòng máy tính, tham quan thư viện. Tuy nhiên, tình trạng giảng viên làm thay, một chiều chuyển tải toàn bộ kiến thức từ người dạy sang người học là không phù hợp với phương pháp giáo dục hiện đại. Tình trạng đó chỉ tạo sự ỷ lại, tính thụ động trong học tập, nghiên cứu, không có khả năng độc lập, sáng tạo trong tư duy và trong hoạt động thực tiễn và do đó không đáp ứng được mục tiêu phát triển NLTT cho sinh viên. Kỹ năng nghiệp vụ sư phạm của cán bộ thư viện (CBTV) nói chung và đặc biệt là cán bộ trực tiếp tham gia đào tạo NLTT cho sinh viên còn nhiều hạn chế vì họ không được đào tạo nghiệp vụ sư phạm; phương pháp giảng dạy của giảng viên còn lạc hậu [Trương Đại Lương, 2015].

#### **2.5. Đội ngũ tham gia giảng dạy**

Theo số liệu khảo sát của tác giả Trương Đại Lương (2015) về trình độ chuyên môn của CBTV các trường đại ở Việt Nam thì cán bộ có trình độ cử nhân chiếm tỷ lệ cao nhất với 65%, tiếp đến là trình độ thạc sĩ với 35%. Đa số CBTV được khảo sát đều tốt nghiệp ngành TT-TV với tỷ lệ 83%. Tỷ lệ CBTV được trang bị NLTT trong các thư viện đại học được khảo sát cũng không đều nhau. Nhóm kỹ năng mà CBTV ít được trang bị nhất là kỹ năng quản lý thông tin thu thập được với tỷ lệ là 17%. Đứng vị trí thứ hai từ dưới lên là kỹ năng làm việc nhóm với 26% người trả lời rằng đã được trang bị. Với thực tế này, đa số CBTV đại học ở Việt Nam khó có thể trở thành người phát triển NLTT tốt trong khi họ không được trang

bị những kiến thức và kỹ năng này [Trương Đại Lương, 2015].

Công tác đào tạo NLTT tại các thư viện trường đại học được triển khai khá bài bản và bước đầu đạt được những kết quả tích cực. Tuy nhiên, trên thực tế triển khai đào tạo NLTT vẫn còn một số hạn chế như: Nội dung chương trình đào tạo chưa bao quát đầy đủ tất cả về NLTT mà chủ yếu thiên về hướng dẫn sử dụng thư viện; Trình độ đội ngũ cán bộ tham gia công tác đào tạo NLTT còn yếu và thiếu. Vì hiện nay, đội ngũ tham gia đào tạo NLTT chủ yếu là được tuyển chọn từ đội ngũ CBTV, ít có sự tham gia của đội ngũ giảng viên; Thiếu sự phối hợp với các khoa chuyên ngành trong việc thiết kế và triển khai chương trình đào tạo kỹ năng thông tin [Đinh Thị Thúy Quỳnh, 2016]; Sự quan tâm của lãnh đạo các bên liên quan trong nhà trường chưa thực sự quan tâm đến nội dung và chương trình đào tạo NLTT cho sinh viên.

### **3. Một số giải pháp nhằm phát triển năng lực thông tin cho sinh viên ở các trường đại học**

#### **3.1. Xây dựng tiêu chuẩn năng lực thông tin**

Các trường đại học ở Việt Nam đã quen với cách hướng dẫn sử dụng thư viện, hướng dẫn tìm kiếm các nguồn thông tin, chiến lược tìm kiếm thông tin cho sinh viên. Tuy nhiên, cho đến nay, chúng ta vẫn chưa có một tiêu chuẩn riêng nào dành cho NLTT. Các tiêu chuẩn này có ý nghĩa quan trọng trong việc định hướng cho các trường nói riêng và cho các thư viện đại học nói chung trong việc tạo dựng được một nền tảng NLTT vững chắc vì chỉ khi có được tiêu chuẩn này chúng ta mới biết mình đang ở đâu và cần làm gì để đạt tới được những chuẩn đó [Trương Đại Lương, 2015].

Trong kỷ nguyên thông tin, mọi người cần có NLTT để biết cách khai thác và sử dụng hiệu quả thông tin. Do đó, nên xây dựng những tiêu chuẩn NLTT làm căn cứ để đánh giá trình độ NLTT của các nhóm NDT, nhất là đối với sinh viên. Cần thiết xây dựng một khung chuẩn quốc gia về NLTT dựa trên những đặc thù về hành vi thông tin và hệ thống giáo dục của Việt Nam. Khung chuẩn này chính là cơ sở để các cơ quan giáo dục và đào tạo, cũng như các cơ quan TT-TV có thể xây dựng cho riêng mình những chương trình NLTT phù hợp. Hơn thế, nó giúp cho việc

triển khai NLTT tại các trường đại học ở Việt Nam trở nên đồng bộ và có hệ thống [Nghiêm Xuân Huy, 2006]. Vì vậy, trên cơ sở nghiên cứu tiêu chuẩn về NLTT của các nước trên thế giới như: Chuẩn NLTT của Hội Thư viện đại học và nghiên cứu Hoa Kỳ ALA (2000); Mô hình bảy trụ cột NLTT của Hiệp hội Thư viện Đại học, Cao đẳng và Thư viện Quốc gia Anh [SCONUL, 1999]; Chuẩn NLTT gồm các chuẩn NLTT cụ thể giúp CBTV và giảng viên thiết kế chương trình giảng dạy cũng như xây dựng thang đánh giá trình độ NLTT của sinh viên [Snelson P. và Stillwell L., 2001]; Tiêu chuẩn NLTT của UNESCO (2005), Tiêu chuẩn về NLTT trong giáo dục đại học do Thư viện Đại học và Thư viện nghiên cứu Hoa Kỳ ACRL (2000). Từ các tiêu chuẩn NLTT trên, các thư viện đại học ở Việt Nam, đặc biệt là Hội Thư viện Việt Nam cần xem xét và xây dựng các tiêu chuẩn về NLTT để có thể áp dụng cho hệ thống thư viện đại học ở Việt Nam.

### **3.2. Xây dựng mô hình năng lực thông tin**

Từ thực trạng trên, chúng ta cần xây dựng một mô hình thống nhất để phát triển NLTT sinh viên đại học ở Việt Nam. Chúng ta có thể tham khảo mô hình NLTT của New Zealand và Ôxtrâyliya: (1) Tầm nhìn về NLTT phải nhất quán với tầm nhìn của trường, (2) Nhấn mạnh NLTT là cơ sở để tốt nghiệp và là yêu cầu chính, cần có ở mỗi sinh viên, (3) Thiết lập cơ chế chính thức để giao tiếp và đối thoại thông qua cộng đồng học thuật nhằm ủng hộ NLTT cũng như việc học tập suốt đời, (4) Hỗ trợ quan điểm về NLTT là trách nhiệm của tất cả các bộ phận quản lý trong trường, nhà nghiên cứu, CBTV và các chuyên gia công nghệ thông tin [Nguyễn Đăng Hà, 2011]. Chúng ta cũng có thể tham khảo mô hình NLTT của tác giả Trương Đại Lượng (2015), trong luận án tiến sĩ với đề tài phát triển kiến thức thông tin cho sinh viên đại học ở Việt Nam. Ở mô hình này, quá trình phát triển NLTT cho sinh viên, CBTV và giảng viên vừa có tính độc lập, vừa có tính phối hợp. CBTV sẽ đảm nhiệm phát triển các kỹ năng thư viện cho sinh viên, trong khi đó giảng viên sẽ phát triển kỹ năng tư duy, giải quyết vấn đề cho sinh viên. CBTV chia sẻ kiến thức, kỹ năng thư viện cho giảng viên, trong khi đó giảng viên chia sẻ kinh nghiệm giảng dạy, kiến thức chuyên ngành cho CBTV, lãnh đạo Bộ Giáo

dục và Đào tạo, lãnh đạo trường đại học, lãnh đạo phòng đào tạo, lãnh đạo các khoa, lãnh đạo thư viện đại học, giảng viên, CBTV, sinh viên. Hiện nay, trên thế giới có ba mô hình phát triển NLTT: (1) Mô hình truyền thống, (2) Mô hình sử dụng mạng sinh viên, (3) Mô hình phối hợp giữa cán bộ thư viện với giảng viên [Trương Đại Lượng, 2015]. Từ những mô hình trên chúng ta có thể xây dựng một mô hình NLTT áp dụng rộng rãi trong các trường đại học ở Việt Nam và đơn vị đứng ra chủ trì sẽ là Liên hiệp Thư viện Việt Nam.

### **3.3. Xây dựng chương trình giảng dạy năng lực thông tin**

Ở New Zealand và Ôxtrâyliya đã hình thành chương trình khung về NLTT bao gồm các nguyên tắc, tiêu chuẩn và yếu tố để các trường căn cứ vào đó có thể phát triển chương trình NLTT phù hợp với mục tiêu và sứ mạng của từng trường. Theo tác giả Đỗ Văn Hùng (2006), khi triển khai nội dung NLTT, chúng ta có thể có những lựa chọn và hướng xây dựng là tích hợp NLTT vào khung chương trình đào tạo; Xây dựng một nội dung NLTT độc lập với chương trình đào tạo. Và cũng tùy thuộc vào điều kiện thực tế của nhà trường, thư viện các trường đại học có thể kết hợp hài hòa giữa hai hình thức, chương trình đào tạo trên với điều kiện hiện tại và phù hợp nhất là cần có sự kết hợp hài hòa giữa hai hình thức trên [Đỗ Văn Hùng, 2006].

Các chương trình NLTT nên được tích hợp vào khung chương trình đào tạo dựa vào yêu cầu của trường về đầu ra đối với sinh viên tốt nghiệp. Chương trình đào tạo cần được triển khai cho các nhóm đối tượng cụ thể, tích hợp NLTT vào chương trình học tập cho nhóm giảng viên, nhóm sinh viên (từ nhóm sinh viên năm thứ nhất đến thứ tư). Xây dựng các chương trình đào tạo NLTT cho sinh viên trong các trường đại học và tổ chức đào tạo về vấn đề này ngay từ năm đầu tiên bước vào đại học. Ở nhiều nước phát triển, người ta xây dựng những chương trình đào tạo về NLTT cho sinh viên theo nhiều cấp độ khác nhau. Đa dạng hóa các hình thức đào tạo như đào tạo trực tuyến, thường xuyên [Cao Minh Kiểm, 2006].

Gần đây, nhóm tác giả Đỗ Văn Hùng và cộng sự (2018), đã đề xuất nội dung cơ bản chương trình NLTT dành cho sinh viên đại học ở Việt Nam với 6 module: (1) Tổng quan

về NLTT, (2) Nhận dạng nhu cầu thông tin, (3) Tìm kiếm và khai thác thông tin, (4) Thẩm định và đánh giá thông tin, (5) Sử dụng thông tin và phòng tránh đạo văn, (6) Tổ chức thông tin. Từ các chương trình NLTT trên thế giới và trong nước, chúng ta có thể tham khảo để xây dựng cho khung chương trình NLTT cho sinh viên đại học ở Việt Nam.

### 3.4. Phương pháp giảng dạy

Với giảng viên, họ cần phải nhận thức được rằng muốn nâng cao chất lượng giảng dạy cần phải thay đổi phương pháp giảng dạy truyền thống bằng phương pháp giảng dạy mới, mà ở đó phát huy tối đa tính chủ động, sáng tạo của sinh viên. Đồng thời, họ cần phải hiểu được sinh viên có NLTT sẽ thuận lợi hơn trong việc tiếp cận, sử dụng và sáng tạo tri thức, góp phần nâng cao hiệu quả học tập của sinh viên. CBTV cần phối hợp với giảng viên để nắm bắt được nhu cầu thông tin của sinh viên, qua đó có thể định hướng và hỗ trợ họ trong việc thỏa mãn nhu cầu thông tin. Về phương pháp giảng dạy, giảng viên phải tích cực tương tác hai chiều và định hướng tài liệu cho sinh viên, giới thiệu các nguồn tài nguyên thông tin phù hợp với nội dung bài học. Đồng thời, sau quá trình giao bài, cần phải yêu cầu sinh viên trả bài đầy đủ và có sự đánh giá cụ thể [Đỗ Văn Hùng, 2006]. Phương pháp giảng dạy cũng cần phải nâng cấp và đổi mới nhằm đưa sinh viên trở thành trung tâm của quá trình dạy và học. Việc dạy và học đang được đổi mới thông qua triết lý lấy sinh viên làm trung tâm, qua việc hướng vào chỉ tiêu tốt nghiệp, những tương tác nhằm tận dụng tối đa nguồn thông tin sẵn có và công nghệ thông tin - viễn thông [Nghiêm Xuân Huy, 2006]. Giảng viên phải nhận thức được tầm quan trọng của NLTT đối với sinh viên để từ đó có những phương pháp giảng dạy phù hợp. Việc vận dụng các hình thức giảng dạy khác nhau luôn là hướng tiếp cận giúp sinh viên có hứng thú, ngoài giảng dạy lý thuyết kết hợp với thực hành, cần vận dụng phương thức đào tạo NLTT trực tuyến dựa trên các nền tảng E-learning. Giảng viên hướng người học tìm tòi và sáng tạo để vận hành tốt quá trình tự đào tạo, tự học với sự chỉ dẫn của giảng viên đến các nguồn học liệu phù hợp.

### 3.5. Kiểm tra, đánh giá

Phương pháp giảng dạy và kiểm tra đánh giá là hai trong nhiều yếu tố quan trọng có ảnh hưởng rất lớn đến chất lượng đào tạo.

Phương pháp giảng dạy và kiểm tra đánh giá trực tiếp tác động đến nhu cầu NLTT, trình độ NLTT của sinh viên.

Vì vậy, trong quá trình đào tạo NLTT cho sinh viên thì hình thức kiểm tra hay đánh giá chính thức nào về thành quả học tập của sinh viên đều có vai trò thúc đẩy phát triển NLTT. Ngoài ra, bên cạnh kiểm tra, đánh giá, chúng ta cần phải tiến hành khảo sát mức độ hài lòng của người học bằng các phiếu thăm dò ý kiến. Kết quả điều tra để chúng ta nhận biết được những điểm mạnh, những điểm yếu để có giải pháp cải tiến chương trình và nội dung của NLTT đối với sinh viên; đánh giá về trình độ NLTT của sinh viên. Việc kiểm tra, đánh giá cần bám sát vào các tiêu chuẩn mà chúng ta đã lựa chọn cho nội dung và chương trình đào tạo. Ngoài ra, để kiểm tra và đánh giá NLTT của người học, đòi hỏi không chỉ thay đổi về cách thức tổ chức kiểm tra và đánh giá môn học chuyên ngành nói chung, mà còn yêu cầu xây dựng bộ tiêu chuẩn và chính sách đánh giá NLTT của sinh viên.

### Kết luận

NLTT là một vấn đề có ý nghĩa quan trọng trong kỷ nguyên thông tin. Đây là một khái niệm đã dần quen thuộc đối với các trường đại học ở nước ta. Trong những năm gần đây, khi giáo dục đại học chuyển từ hình thức đào tạo niên chế sang hình thức đào tạo tín chỉ với việc lấy người học làm trung tâm, chúng ta vẫn nhận thấy sản phẩm đầu ra của các cơ sở đào tạo phần nhiều là thiếu khả năng thích ứng với môi trường làm việc mới, hiện tượng tái đào tạo diễn ra khá phổ biến tại các cơ quan tuyển dụng. Có thể thấy rằng, những người mới tốt nghiệp thường rất hạn chế trong khả năng tiếp cận nguồn thông tin, tri thức mới, không chủ động trong việc tự nghiên cứu để đào sâu và mở rộng kiến thức chuyên môn và các kỹ năng mềm cần thiết. Do vậy, hoạt động TT-TV trong các trường đại học, bên cạnh việc xây dựng cho mình những kế hoạch hoạt động, loại hình dịch vụ đáp ứng nhu cầu thông tin phục vụ giảng dạy, nghiên cứu khoa học và học tập của các đối tượng người dùng; cũng cần góp phần trang bị cho họ những kỹ năng và kiến thức để làm chủ thế giới thông tin trong thời đại Cách mạng công nghiệp 4.0. Đó chính là sự tổng hợp những kỹ năng nhận dạng nhu cầu thông tin của bản thân, định vị nguồn thông tin phù hợp với nhu cầu, tổ chức

nguồn thông tin tìm được một cách hợp lý, thẩm định nguồn thông tin đã được lựa chọn, sử dụng thông tin đó một cách hiệu quả và hợp pháp, còn được gọi là NLTT. NLTT được xem là chìa khóa quan trọng mở ra những cơ hội tri thức và nghề nghiệp cho mỗi cá nhân, góp phần thúc đẩy sự phát triển khoa học, công nghệ và giáo dục của đất nước [Nghiêm Xuân Huy, 2010].

Ở Việt Nam, đã có những hoạt động đầu tư phát triển NLTT như dự án NLTT trong các thư viện đại học do UNESCO tài trợ. Để đẩy mạnh hơn nữa công tác nâng cao NLTT, cần phải tiến hành đẩy mạnh hoạt động nâng cao nhận thức về NLTT trong xã hội, xây dựng những tiêu chuẩn về NLTT để phục vụ cho phát triển nguồn nhân lực, xây dựng và đẩy mạnh các chương trình đào tạo về NLTT, đa dạng hóa các hình thức đào tạo về NLTT, tăng cường đào tạo NLTT thông qua hình thức trực tuyến, thường xuyên, đẩy mạnh đào tạo, nâng cao trình độ NLTT của cán bộ TT-TV chuyên nghiệp, đặc biệt là huấn luyện kỹ năng đào tạo để họ trở thành những người đào tạo NLTT chuyên nghiệp [Cao Minh Kiểm, 2006].

#### **TÀI LIỆU THAM KHẢO**

1. ALA (2000). Information Literacy Competency Standards for Higher Education. Chicago: American Library Association, 16p.
2. Bundy, Alan. ed (2004). Australian and New Zealand Information Literacy Framework: principles, standards and practice, 2nd ed, Adelaide: Australian and New Zealand Institute for Information Literacy, 48 p.
3. Nguyễn Đăng Hà (2011). Các yêu cầu đối với một thư viện đại học trong việc huấn luyện kiến thức thông tin cho NDT thông qua việc xem xét kinh nghiệm ở nước ngoài và điều kiện ở Việt Nam, Kỷ yếu hội thảo - tập huấn "Nội dung và phương pháp thực hiện các khóa huấn luyện kỹ năng thông tin cho độc giả", tr. 73-78.
4. Phạm Xuân Hoàn (2016). Lồng ghép kiến thức vào bài giảng tại các trường đại học: Thách thức và giải pháp. Kỷ yếu "Kỹ năng thông tin trong nghiên cứu". Trung tâm TT-TV Đại học Quốc gia Hà Nội, tr. 40 - 52.
5. Đỗ Văn Hùng, Lê Thị Nga, Nguyễn Bích Thủy (2018). Nghiên cứu và phát triển chương trình đào tạo năng lực thông tin cho sinh viên trong kỷ nguyên số. Tạp chí Thông tin và Tư liệu, Số 3, 9 - 20.
6. Đỗ Văn Hùng (2006). Kiến thức thông tin với công tác đào tạo nhân lực ngành thông tin thư viện ở Việt Nam. Kỷ yếu hội thảo khoa học ngành Thông tin - Thư viện trong xã hội thông tin, tr. 120 - 126.

7. Nghiêm Xuân Huy (2010). Vai trò của kiến thức thông tin đối với cán bộ nghiên cứu khoa học. Tạp chí Thư viện Việt Nam, Số 3(23), 11 - 18.

8. Nghiêm Xuân Huy (2006). Kiến thức thông tin nhân tố đổi mới diện mạo ngành thông tin thư viện Việt Nam - Những thách thức và triển vọng trong triển khai. Kỷ yếu hội thảo khoa học ngành Thông tin - Thư viện trong xã hội thông tin, tr. 28 - 29.

9. Dương Thúy Hương (2011). Chương trình kiến thức thông tin của Thư viện Đại học Khoa học Tự nhiên, ĐHQG - HCM". Bản tin Thư viện - Công nghệ Thông tin, Số 6, tr. 25 - 27.

10. Cao Minh Kiểm (2006). Hiểu biết tổng tin: Tình hình và một số đề xuất. Kỷ yếu hội thảo khoa học ngành Thông tin - Thư viện trong xã hội thông tin, tr. 150 - 157.

11. Trương Đại Lượng (2015). Phát triển kiến thức thông tin cho sinh viên đại học ở Việt Nam: Luận án Tiến sĩ Khoa học Thông tin - Thư viện. Hà Nội: Trường Đại học Văn Hà Nội, 222 tr.

12. Huỳnh Thị Trúc Phương (2011). Xây dựng và triển khai chương trình đào tạo kỹ năng thông tin cho độc giả tại Trường Đại học Cần Thơ. Tạp chí Thư viện Việt Nam, Số 3 (29), tr. 12 -19.

13. Đinh Thúy Quỳnh (2016). Phát triển công tác đào tạo kỹ năng thông tin tại các trường đại học ở Việt Nam. Kỷ yếu "Kỹ năng thông tin trong nghiên cứu". Trung tâm TT-TV Đại học Quốc gia Hà Nội, tr. 57 - 63.

14. SCONUL (1999). Information skills in higher education: A Sconul position paper. Paper presented at the Society of College: National and University Libraries.

15. Snelson P. , Stillwell L. (2001). Transforming bibliographic instruction into an information literacy program: challenges and opportunities". In Crossing the divide, Proceedings of the 10th National conference of the Association of College and Research libraries, ALA, Denver, Colorado: Chicago, tr. 226 - 230.

16. Thư viện Trung tâm Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh (2011). Kỷ yếu hội thảo - Tập huấn: Nâng cao nội dung và phương pháp thực hiện các khóa huấn luyện kỹ năng thông tin cho độc giả. Tp. Hồ Chí Minh: Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh, 114 tr.

17. UNESCO (2005). Development of Information Literacy through School Libraries in South-East Asian Countries (IFAP Project 461RAS5027). Bangkok: Unesco, 12p.

(Ngày Tòa soạn nhận được bài: 16-3-2019; Ngày phản biện đánh giá: 20-5-2019; Ngày chấp nhận đăng: 15-6-2019).